

SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG THPT THPT C HẢI HẬU
Số: 79/QĐ-THPTCHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hải Hậu, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn,
giảm học phí học kỳ 1 năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT C HẢI HẬU

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2021-2022;

Căn cứ hồ sơ của các đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2024-2025 của trường THPT C Hải Hậu;

Theo đề nghị của bộ phận Tài vụ nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2, năm học 2024-2025: Tổng số đối tượng miễn giảm học phí: 27 học sinh, số đối tượng hỗ trợ chi phí học tập 10 học sinh, Kinh phí đề nghị cấp bù học phí là: 7.200.000đ, Kinh phí đề nghị hỗ trợ chi phí học tập: 6.000.000đ (chi tiết theo danh sách tổng hợp đề nghị cấp bù học phí miễn, giảm đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Kho bạc nhà nước;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN CHIỀU

SỞ GD&ĐT TỈNH NAM ĐỊNH
 ĐƠN VỊ: Trường THPT C Hải Hậu

**TỔNG HỢP CÁC ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CPHT
 Kỳ I NĂM HỌC 2024-2025**

ST T	Chỉ tiêu	Số lượng học sinh	Ghi chú
A	ĐỐI TƯỢNG MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ (=I+II+III)	27	
I	Đối tượng được miễn học phí:	13	
1	Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	3	
2	Học sinh, sinh viên khuyết tật	3	
3	Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.	1	
4	Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	6	
5	Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.		
6	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.		
7	Người học thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.		
II	Đối tượng được giảm 70% học phí		
	học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.		
III	Đối tượng được giảm 50% học phí	14	
1	Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường		

2	Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	14	
B	ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP	10	
1	Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.	1	
2	Học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông bị khuyết tật.	3	
3	Học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.	6	

Hải Hậu, ngày 08 tháng 4 năm 2025

Người lập biểu



Đinh Thị Hằng

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Chiểu

TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ CẤP BÙ HỌC PHÍ
KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

A. Cấp bù cho đối tượng được miễn học phí:

Tổng số học sinh được miễn: 13 học sinh

Lớp 10: 03 học sinh

Lớp 11: 05 học sinh

Lớp 12: 05 học sinh

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được miễn	Số tháng được miễn	Số tiền được miễn	Ghi chú
1	Trần Ánh Ngọc	10A4	90.000	4	360.000	Khuyết Tật
2	Phạm tiến Tài	10A4	90.000	4	360.000	Khuyết Tật
3	Vũ Thu Linh	10A8	90.000	4	360.000	Hộ Nghèo
4	Phạm Văn Tuấn	11B4	90.000	4	360.000	Hộ nghèo
5	Trịnh Duy Hiệu	11B7	90.000	4	360.000	Con TBB
6	Vũ Miên Biên Thùy	11B7	90.000	4	360.000	Khuyết Tật
7	Phạm Ngọc Anh	11B7	90.000	4	360.000	Mồ côi
8	Ninh Thị Hà	11B9	90.000	4	360.000	Hộ Nghèo
9	Phạm Thị An Đông	12C1	90.000	4	360.000	Con TBB
10	Phạm Thành Đông	12C1	90.000	4	360.000	Con TBB
11	Phạm Đức Thắng	12C5	90.000	4	360.000	Hộ nghèo
12	Vũ Khánh Ly	12C8	90.000	4	360.000	Hộ nghèo
13	Lê Thị tổ Uyên	12C9	90.000	4	360.000	Hộ nghèo
	Cộng				4.680.000	

B. Cấp bù cho đối tượng giảm 70% học phí: không có

C. Cấp bù cho đối tượng giảm 50% học phí:

Tổng số học sinh được giảm: 14 học sinh

Lớp 10: 07 học sinh

Lớp 11: 04 học sinh

Lớp 12: 03 học sinh

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được giảm	Số tháng được giảm	Số tiền được giảm	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thảo Vân	10A2	45.000	4	180.000	Cận nghèo
2	Trần thị Thảo Vi	10A4	45.000	4	180.000	Cận nghèo
3	Nguyễn Thị Hương Thảo	10A6	45.000	4	180.000	Cận nghèo
4	Phạm Thị Thu Trang	10A7	45.000	4	180.000	Cận nghèo
5	Phạm Thị Hồng Thắm	10A8	45.000	4	180.000	Cận nghèo
6	Trần Anh Tú	10A9	45.000	4	180.000	Cận nghèo
7	Nguyễn Ánh Tuyết	10A11	45.000	4	180.000	Cận nghèo
8	Cao Thanh Du	11B5	45.000	4	180.000	Cận nghèo
9	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	11B8	45.000	4	180.000	Cận nghèo
10	Lê Thị Hồng Huệ	11B9	45.000	4	180.000	Cận nghèo
11	Nguyễn Thị Ngọc Hà	11B10	45.000	4	180.000	Cận nghèo
12	Phạm Thị Thanh Trà	12C4	45.000	4	180.000	Cận nghèo
13	Cao Thị thu Trang	12C5	45.000	4	180.000	Cận nghèo
14	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	12C6	45.000	4	180.000	Cận nghèo
	Cộng				2.520.000	

Người lập biểu

Đinh Thị Hằng

Hải Hậu, ngày 08 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Chiêu

SỞ GD&ĐT NAM ĐỊNH
ĐƠN VỊ: Trường THPT C Hải Hậu

Biểu 03-HP
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

Tổng số học sinh được hỗ trợ CPHT: 10 học sinh
Lớp 10: 03 học sinh
Lớp 11: 04 học sinh
Lớp 12: 03 học sinh

Stt	Họ và tên	Lớp	Mức được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ CPHT	Số tiền được hỗ trợ CPHT	Ghi chú
1	Trần Ánh Ngọc	10A4	150.000	4	600.000	Khuyết Tật
2	Phạm tiến Tài	10A4	150.000	4	600.000	Khuyết Tật
3	Vũ Thu Linh	10A8	150.000	4	600.000	Hộ Nghèo
4	Phạm Văn Tuấn	11B4	150.000	4	600.000	Hộ nghèo
5	Vũ Miên Biên Thùy	11B7	150.000	4	600.000	Khuyết Tật
6	Phạm Ngọc Anh	11B7	150.000	4	600.000	Mô côi
7	Ninh Thị Hà	11B9	150.000	4	600.000	Hộ Nghèo
8	Phạm Đức Thắng	12C5	150.000	4	600.000	Hộ nghèo
9	Vũ Khánh Ly	12C8	150.000	4	600.000	Hộ nghèo
10	Lê Thị tổ Uyên	12C9	150.000	4	600.000	Hộ nghèo
	Cộng				6.000.000	

Người lập biểu

Đinh Thị Hằng

Hải Hậu, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Văn Chiểu